|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**Số: 49/2015/TT-BNNPTNT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn quản lý nhiệm vụ và dự án khuyến nông Trung ương**

*Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về Khuyến nông;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý nhiệm vụ và dự án khuyến nông Trung ương.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

# Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn xây dựng, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, tổ chức thực hiện, kiểm tra, nghiệm thu, quyết toán nhiệm vụ khuyến nông và dự án khuyến nông Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, thực hiện nhiệm vụ, dự án khuyến nông Trung ương trên phạm vi toàn quốc.

3. Căn cứ nội dung của Thông tư này, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng để quản lý, thực hiện nhiệm vụ, dự án khuyến nông địa phương.

# Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

*1. Nhiệm vụ khuyến nông Trung ương* (viết tắt là nhiệm vụ) là nhiệm vụ khuyến nông cụ thể thực hiện hàng năm, gồm nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên có 5 nhóm nhiệm vụ chính quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản này và nhiệm vụ khuyến nông đột xuất quy định tại điểm e khoản này.

a) Thông tin tuyên truyền, gồm các hoạt động: biên soạn, in và phát hành ấn phẩm; thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức sự kiện khuyến nông (hội thi, hội chợ triển lãm, diễn đàn, tọa đàm);

b) Đào tạo huấn luyện, gồm các hoạt động: tập huấn nghiệp vụ cho người làm công tác khuyến nông (tập huấn TOT); tập huấn nông dân; xây dựng học liệu khuyến nông; khảo sát, học tập trong và ngoài nước;

c) Hội nghị khuyến nông, hội thảo chuyên đề;

d) Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ hoạt động khuyến nông;

đ) Xây dựng, phổ biến, hướng dẫn nội dung và phương pháp hoạt động khuyến nông;

e) Căn cứ nhu cầu sản xuất và điều kiện thực tế hàng năm, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt là Bộ trưởng) quyết định một số nhiệm vụ khuyến nông đột xuất để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. *Dự án khuyến nông Trung ương* (viết tắt là dự án) là dự án khuyến nông có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chương trình, chiến lược phát triển về khuyến nông và nông nghiệp, nông thôn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt là Bộ). Dự án được thực hiện ở quy mô từ 3 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, thời gian từ 1 năm đến 3 năm, trừ trường hợp đặc thù do Bộ trưởng quyết định. Dự án được xây dựng trên cơ sở tiến bộ kỹ thuật, tiến bộ quản lý; Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông (viết tắt là Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN); định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ trưởng phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. *Tổ chức chủ trì dự án* là tổ chức đáp ứng điều kiện tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này được Bộ giao chủ trì dự án.

4. *Cá nhân chủ nhiệm dự án* (viết tắt là chủ nhiệm dự án) là người thuộc tổ chức chủ trì dự án; đáp ứng điều kiện tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này được Bộ giao chủ nhiệm dự án.

5. *Mô hình trình diễn* (viết tắt là mô hình) là một nội dung của dự án khuyến nông được thực hiện nhằm áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, tiến bộ về quản lý, có quy mô phù hợp để làm mẫu nhân ra diện rộng. Mỗi năm, mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện không quá 1 mô hình cho 1 nội dung trong phạm vi dự án trừ một số dự án đặc thù do Bộ trưởng quyết định; một mô hình có không quá 5 điểm trình diễn.

6. *Điểm trình diễn* là cụ thể hoá của mô hình tại một xã, phường, thị trấnđược sản xuất tập trung với quy mô phù hợp đối với từng dự án do Bộ trưởng quyết định; mỗi điểm trình diễn được thực hiện lặp lại tối đa 3 lần trong thời gian thực hiện dự án.

# Điều 3. Chi quản lý nhiệm vụ, dự án

1. Nội dung chi

a) Đối với cơ quan quản lý: nội dung chi quản lý thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN;

b) Đối với tổ chức chủ trì nhiệm vụ, dự án: nội dung chi quản lý bao gồm: xây dựng thuyết minh; tổ chức thẩm định nội dung và dự toán kinh phí; kiểm tra; đánh giá, nghiệm thu hàng năm; viết báo cáo tổng kết; mua văn phòng phẩm, thông tin, liên lạc; phụ cấp chủ nhiệm dự án và các khoản chi khác.

2. Mức chi quản lý nhiệm vụ, dự án theo các quy định sau:

a) Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành;

b) Các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 2 Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Các Điều 1, 2 và 3 Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí;

d) Các quy định pháp luật hiện hành khác.

**Chương II**

**NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**

# Điều 4. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra thực hiện nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1. Hàng năm, trước ngày 30 tháng 9, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì, phối hợp với Tổng cục, Cục chuyên ngành xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng thành lập Tổ thẩm định nội dung, dự toán kinh phí nhiệm vụ. Thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành và mời đại diện Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tham dự.

3. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, căn cứ kết quả thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính xem xét, trình Bộ trưởng quyết định phê duyệt và giao Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

4. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo nội dung đã được Bộ phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

5. Hàng năm, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và quy định hiện hành. Trường hợp cần thiết, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị nói trên tổ chức kiểm tra đột xuất.

**Điều 5. Điều chỉnh nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

1. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề xuất với Bộ xem xét điều chỉnh các nội dung sau:

a) Sản phẩm và dự toán giữa các nhóm nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 2 Thông tư này;

b) Sản phẩm và dự toán của các nhiệm vụ: thông tin tuyên truyền trên các

phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, in và phát hành ấn phẩm; xây dựng học liệu khuyến nông.

2. Trình tự, thời gian điều chỉnh các nội dung nhiệm vụ tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường gồm: văn bản đề nghị điều chỉnh, chi tiết nội dung điều chỉnh;

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính trình Bộ trưởng quyết định điều chỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

3. Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xem xét điều chỉnh nội dung nhiệm vụ không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, gửi quyết định điều chỉnh để báo cáo Bộ (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính) trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt điều chỉnh.

**Điều 6. Nghiệm thu, công nhận kết quả và quyết toán nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

1. Nghiệm thu, công nhận kết quả nhiệm vụ:

a) Trước ngày 31 tháng 3 năm sau, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia gửi 01 bộ hồ sơ nghiệm thu về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, hồ sơ gồm: quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí, quyết định điều chỉnh (nếu có), báo cáo tổng kết các nhiệm vụ, sản phẩm mẫu là hiện vật theo kế hoạch được phê duyệt, biên bản nghiệm thu nhiệm vụ của Giám đốc Trung tâm khuyến nông Quốc gia, biên bản kiểm tra nhiệm vụ (nếu có);

b) Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tài chính trình Bộ trưởng thành lập Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định gồm đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, các Tổng cục, Cục chuyên ngành có liên quan. Tổ thẩm định thực hiện thẩm định hồ sơ nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định; trình Bộ trưởng quyết định công nhận kết quả nghiệm thu nhiệm vụ hoặc xử lý đối với nhiệm vụ không được công nhận kết quả nghiệm thu, thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 năm sau;

c) Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Vụ trưởng Vụ Tài chính chịu trách nhiệm trướcBộ trưởng về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Quyết toán nhiệm vụ

Căn cứ kết quả nghiệm thu và hồ sơ tài chính liên quan, Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quyết toán nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

**Điều 7. Nhiệm vụ khuyến nông đột xuất**

1. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng giao đơn vị trực thuộc Bộ chủ trì thực hiện một số nhiệm vụ khuyến nông đột xuất.

2. Thủ trưởng đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng thuyết minh nhiệm vụ gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện; đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này. Việc nghiệm thu, công nhận kết quả và quyết toán nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 6 của Thông tư này.

**Chương III**

**DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**

# Điều 8. Xây dựng, phê duyệt, công bố danh mục dự án đặt hàng

1. Xây dựng, phê duyệt danh mục dự án đặt hàng

a) Hàng năm, căn cứ chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn và chiến lược phát triển của ngành, nhu cầu thực tiễn sản xuất và đề xuất của các địa phương, tổ chức, cá nhân; Tổng cục, Cục chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề xuất danh mục dự án đặt hàng theo từng lĩnh vực theo biểu mẫu B1.ĐXDMDAKN-BNN ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trước ngày 30 tháng 4;

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thẩm định, đề xuất danh mục dự án đặt hàng theo các lĩnh vực để báo cáo Bộ trưởng;

c) Sau khi có ý kiến của Bộ trưởng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường gửi lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến triển khai dự án. Việc lấy ý kiến hoàn thành trước ngày 15 tháng 6;

d) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia nghiên cứu tiếp thu ý kiến của các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hoàn thiện danh mục dự án đặt hàng trình Bộ trưởng phê duyệt trước ngày 30 tháng 7.

2. Công bố danh mục dự án đặt hàng

Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục dự án đặt hàng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường công bố trên các trang thông tin điện tử của Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

# Điều 9. Điều kiện lựa chọn tổ chức chủ trì dự án

1. Tổ chức chủ trì dự án phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có chức năng hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của dự án;

b) Trong 2 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, không thuộc một trong các trường hợp sau: đã chủ trì dự án có kết quả nghiệm thu ở mức “không đạt”; giao nộp sản phẩm không đúng hạn mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ; sử dụng kinh phí dự án không đúng mục đích và quy định;

 c) Ưu tiên lựa chọn tổ chức có cam kết đóng góp vốn để mở rộng quy mô dự án.

2. Chủ nhiệm dự án phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trình độ đại học trở lên; có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nội dung của dự án tính đến thời điểm nộp hồ sơ; có kinh nghiệm tổ chức và đảm bảo đủ thời gian thực hiện dự án;

b) Trong 2 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ không thuộc một trong các trường hợp sau: chủ trì nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước, hoặc dự án khuyến nông có kết quả nghiệm thu ở mức “không đạt” hoặc có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, dự án;

c) Mỗi cá nhân chủ nhiệm không quá 1 dự án khuyến nông Trung ương trong cùng thời điểm, trường hợp vượt quá 1 dự án do Bộ trưởng quyết định.

# Điều 10. Hồ sơ đăng ký chủ trì dự án được tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Tổ chức đăng ký chủ trì dự án gửi hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện về Bộ (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày công bố danh mục dự án đặt hàng. Hồ sơ làm thành 5 bộ (gồm 1 bản gốc và 4 bản sao), được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ: tên dự án; tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì dự án; họ và tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án.

2. Hồ sơ gồm các tài liệu theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này: đơn đăng ký chủ trì thực hiện dự án (mẫu B5.ĐONKN-BNN); thuyết minh tổng thể dự án (mẫu B6.TMDAKN-BNN); tóm tắt hoạt động khoa học công nghệ và khuyến nông của tổ chức (mẫu B7.LLTC-BNN); lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký thực hiện chính dự án (mẫu B8.LLCN-BNN); giấy xác nhận phối hợp thực hiện dự án (mẫu B9.PHTH-BNN); văn bản xác nhận đồng ý triển khai dự án tại địa phương của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (mẫu B10.XNTKDA-BNN); cam kết đóng góp vốn đối ứng của công ty, doanh nghiệp (nếu có).

3. Ngày nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của bưu điện hoặc dấu đến của văn thư Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

4. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường mời đại diện các tổ chức có hồ sơ đăng ký đối với dự án được tuyển chọn. Kết quả mở hồ sơ được ghi biên bản theo biểu mẫu B2.BBMHS-BNN ban hành kèm theo Thông tư này.

# Điều 11. Thẩm định dự án được tuyển chọn, giao trực tiếp

1.Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng thành lập Tổ thẩm định dự án được tuyển chọn, giao trực tiếp. Thành phần Tổ thẩm định gồm: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, đại diện Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia. Đối với các dự án có Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tham gia đăng ký tuyển chọn thì Trung tâm Khuyến nông Quốc gia không tham gia Tổ thẩm định. Đại diện tổ chức chủ trì dự án được mời tham dự các cuộc họp của Tổ thẩm định.

2. Thẩm định hồ sơ dự án được tuyển chọn, giao trực tiếp

a) Thành viên Tổ thẩm định đánh giá hồ sơ dự án “đạt” hoặc “không đạt” theo biểu mẫu B3.PTĐTMDAKN-BNN ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tổ thẩm định lập biên bản nêu rõ các yêu cầu phải sửa chữa, bổ sung đối với hồ sơ dự án được tuyển chọn, giao trực tiếp;

c) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng phê duyệt kết quả thẩm định dự án được tuyển chọn, giao trực tiếp;

d) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân chủ trì hoàn thiện hồ sơ, thuyết minh, dự toán kinh phí và gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để thẩm định nội dung và tài chính.

3. Thẩm định về nội dung và tài chính

 Tổ thẩm định tiến hành thẩm định về nội dung và tài chính đối với dự án được tuyển chọn, giao trực tiếp; lập biên bản thẩm định theo quy định.

# Điều 12. Đấu thầu dự án

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính tổ chức đấu thầu đối với dự án được lựa chọn theo phương thức đấu thầu. Trình tự, thủ tục đấu thầu dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

# Điều 13. Phê duyệt, giao nhiệm vụ, hợp đồng thực hiện dự án

1. Phê duyệt dự án

a) Trên cơ sở kết quả thẩm định (đối với dự án tuyển chọn, giao trực tiếp) hoặc kết quả đấu thầu (đối với dự án lựa chọn theo phương thức đấu thầu), trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục dự án thực hiện (bao gồm: tên dự án; tổ chức chủ trì; chủ nhiệm dự án; địa điểm thực hiện; thời gian thực hiện; mục tiêu; kết quả dự kiến; tổng kinh phí và kinh phí hàng năm). Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục dự án thực hiện, Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án hoàn thiện hồ sơ và gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

c) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục dự án thực hiện,Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (đối với dự án do tổ chức không trực thuộc Bộ chủ trì) phê duyệt thuyết minh dự án và trình Bộ trưởng quyết định phê duyệt từng dự án.

2. Thông báo giao nhiệm vụ, dự toán, ký hợp đồng thực hiện dự án

a) Hàng năm, căn cứ quyết định phê duyệt dự án và kế hoạch phân bổ kinh phí khuyến nông của Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thông báo giao nhiệm vụ, Vụ Tài chính giao dự toán cho các tổ chức chủ trì thuộc Bộ và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (đối với dự án do tổ chức không trực thuộc Bộ chủ trì);

b) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia ký hợp đồng với các tổ chức chủ trì không trực thuộc Bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo thuyết minh dự án đã được phê duyệt.

3. Thực hiện dự án

a) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án trực tiếp thực hiện hoặc ký hợp đồng với tổ chức khuyến nông địa phương hoặc các tổ chức, cá nhân khác có đủ năng lực để thực hiện dự án theo nội dung đã được Bộ phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành;

b) Trong trường hợp dự án bị ảnh hưởng do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh), tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án kịp thời đánh giá, lập biên bản có xác nhận của chính quyền cấp xã và báo cáo về Bộ (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) để xem xét, xử lý theo quy định.

# Điều 14. Điều chỉnh dự án

1. Điều chỉnh những thay đổi hàng năm của dự án

a) Tổ chức chủ trì dự án xem xét, phê duyệt điều chỉnh những thay đổi hàng năm cho từng nội dung mà không thay đổi tổng kinh phí đã được phê duyệt, bao gồm: thời gian, địa điểm trình diễn (trong tỉnh hoặc thành phố); tăng hoặc giảm quy mô về đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền. Tổ chức chủ trì gửi văn bản điều chỉnh để báo cáo về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (đối với dự án do tổ chức không trực thuộc Bộ chủ trì) sau 5 ngày làm việc kể từ ngày văn bản điều chỉnh được ban hành;

b) Thời gian điều chỉnh dự án khuyến nông hàng năm hoàn thành trước ngày 30 tháng 11.

2. Điều chỉnh dự án tổng thể

a) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xem xét, trình Bộ trưởng phê duyệt điều chỉnh những thay đổi về mục tiêu, thời gian thực hiện, kết quả, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và tổng kinh phí dự án so với quyết định phê duyệt dự án;

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xem xét, điều chỉnh những thay đổi về địa điểm mô hình (tỉnh, thành phố), quy mô mô hình giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhưng không làm thay đổi mục tiêu, kết quả và tổng kinh phí dự án so với quyết định phê duyệt dự án;

c) Thời gian điều chỉnh trước ngày 30 tháng 11.

# Điều 15. Kiểm tra dự án

1. Kiểm tra của Bộ

a) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch và quy định hiện hành. Trường hợp cần thiết, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị nói trên tiến hành kiểm tra đột xuất;

b) Thành phần Đoàn kiểm tra gồm đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường làm Trưởng đoàn; các thành viên gồm: đại diện Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi thực hiện dự án;

c) Tần xuất kiểm tra được thực hiện ít nhất một lần cho mỗi dự án trong thời gian thực hiện;

d) Tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi tiến hành kiểm tra, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thông báo thời gian, địa điểm kiểm tra tới tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án và thành viên đoàn kiểm tra. Chủ nhiệm dự án làm báo cáo tiến độ thực hiện gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường qua địa chỉ thư điện tử kn.khcn@mard.gov.vn.

2. Tổ chức chủ trì dự án tự kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự án và gửi báo cáo kết quả kiểm tra trực tiếp hoặc theo đường bưu điện về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (đối với dự án do tổ chức không trực thuộc Bộ chủ trì), sau 15 ngày kể từ ngày kiểm tra, đánh giá.

# Điều 16. Nghiệm thu, công nhận kết quả dự án

1. Nghiệm thu dự án hàng năm:

a) Tổ chức chủ trì thành lập hội đồng tư vấn nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hàng năm. Hội đồng gồm 7 thành viên, số người của tổ chức chủ trì không quá 2/3 tổng số thành viên hội đồng. Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo tổ chức chủ trì, uỷ viên hội đồng là đại diện các đơn vị quản lý về chuyên môn, tài chính của tổ chức chủ trì, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (đối với các dự án do tổ chức không trực thuộc Bộ chủ trì) và một số chuyên gia (là người có trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu về lĩnh vực được giao tư vấn). Chủ nhiệm dự án và cá nhân tham gia thực hiện dự án không là thành viên của hội đồng;

b) Hội đồng làm việc khi có mặt ít nhất 5/7 thành viên, trong đó có chủ tịch và ủy viên thư ký. Hội đồng đánh giá dự án “đạt” hoặc “không đạt” theo biểu mẫu B4.NXĐGBCTKDAKN-BNN ban hành kèm theo Thông tư này. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) chỉ có giá trị tham khảo. Kết quả thực hiện dự án hàng năm được đề nghị nghiệm thu khi có ít nhất 5/7 số thành viên Hội đồng trở lên đánh giá ở mức “đạt”. Căn cứ kết luận của hội đồng nghiệm thu, chủ nhiệm dự án hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu và lưu tại tổ chức chủ trì dự án;

c) Hồ sơ nghiệm thu hàng năm bao gồm: báo cáo kết quả thực hiện dự án hàng năm theo biểu mẫu B11.BCKQDAHN-BNN ban hành kèm theo Thông tư này; thuyết minh dự án hàng năm; biên bản kiểm tra (nếu có);

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án gửi: báo cáo kết quả nghiệm thu; báo cáo kết quả thực hiện dự án hàng năm về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (đối với các dự án do tổ chức không trực thuộc Bộ chủ trì);

đ) Thủ trưởng Tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu dự án hàng năm của đơn vị.

2. Nghiệm thu kết thúc dự án

a) Hồ sơ nghiệm thu

Trước ngày 31 tháng 3 năm sau, Tổ chức chủ trì gửi hồ sơ nghiệm thu kết thúc dự án trực tiếp hoặc theo đường bưu điện về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Hồ sơ làm thành 8 bộ (1 bản gốc và 7 bản sao) gồm: công văn đề nghị nghiệm thu; báo cáo tổng kết theo biểu mẫu B12.BCTKKQDAKN-BNN ban hành kèm theo Thông tư này; thuyết minh tổng thể; quyết định phê duyệt dự án; quyết định điều chỉnh dự án (nếu có) và 3 bộ hồ sơ pháp lý (bản photocopy) gồm: hợp đồng và thanh lý hợp đồng với các đơn vị phối hợp; biên bản nghiệm thu hàng năm; biên bản kiểm tra hàng năm, báo cáo tài chính và sản phẩm dự án là hiện vật theo thuyết minh được phê duyệt;

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng thành lập Hội đồng nghiệm thu. Hội đồng có 7 thành viên, gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, 2 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký (là đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) và các ủy viên. Thành phần Hội đồng gồm đại diện: Tổng cục, Cục chuyên ngành, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chủ nhiệm dự án và người tham gia thực hiện dự án không là thành viên hội đồng;

c) Hội đồng làm việc khi có mặt ít nhất 5/7 thành viên, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch, ủy viên thư ký và 2 uỷ viên phản biện. Hội đồng đánh giá hồ sơ nghiệm thu dự án “đạt” hoặc “không đạt”, theo biểu mẫu B4.NXĐGBCTKKQDA/NVKN-BNN ban hành kèm theo Thông tư này. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) chỉ có giá trị tham khảo. Dự án được đề nghị nghiệm thu khi có ít nhất 5/7 thành viên Hội đồng trở lên đánh giá ở mức “đạt”;

d) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án tiếp thu ý kiến của Hội đồng hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu kết thúc dự án và giao nộp sản phẩm (3 bộ bản in đóng bìa cứng và đĩa CD) gồm: báo cáo tổng kết, sản phẩm của dự án theo thuyết minh dự án được phê duyệt gửi về Bộ (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

 3. Công nhận kết quả dự án

a) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án hoặc xử lý đối với dự án không được công nhận kết quả. Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 6;

b) Kết quả thực hiện dự án được công bố trên trang thông tin điện tử của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

# Điều 17. Quyết toán dự án

1. Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (đối với các dự án do tổ chức không trực thuộc Bộ chủ trì) quyết toán các dự án khuyến nông hàng năm.

2. Hồ sơ quyết toán gồm: thuyết minh dự án, báo cáo kết quả thực hiện dự án và biên bản nghiệm thu hàng năm; hồ sơ tài chính theo quy định.

**Chương IV**

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

# Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ

1. Trách nhiệm của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

a) Đầu mối quản lý nhà nước về công tác khuyến nông; trực tiếp quản lý các nhiệm vụ, dự án;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch khuyến nông của ngành; các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về khuyến nông; định mức kinh tế kỹ thuật;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, trình Bộ phê duyệt nhiệm vụ; thẩm định, trình Bộ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục dự án đặt hàng; thẩm định dự án được tuyển chọn, giao trực tiếp; tổ chức đầu thầu dự án; trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục dự án và kinh phí dự án được thực hiện; điều chỉnh, nghiệm thu, thẩm định và trình Bộ trưởng công nhận kết quả thực hiện dự án;

đ) Thông báo bằng văn bản đến các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương danh mục các dự án và tổ chức chủ trì dự án được thực hiện tại địa phương;

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động khuyến nông theo quy định của pháp luật;

g) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề xuất cơ cấu phân bổ kinh phí khuyến nông hàng năm;

h) Phối hợp với Vụ Tài chính quyết toán nhiệm vụ, dự án hàng năm;

i) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan sơ kết, tổng kết hoạt động khuyến nông; tổng hợp, báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo quy định.

2. Trách nhiệm của Vụ Tài chính

a) Thực hiện quản lý kinh phí khuyến nông Trung ương theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường giao dự toán và quyết toán nhiệm vụ, dự án theo quy định;

c) Tham gia xây dựng kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về khuyến nông;

d) Tham gia thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông;

đ) Tham gia kiểm tra, tổng kết, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án;

e) Tham gia đề xuất cơ cấu phân bổ kinh phí khuyến nông hàng năm.

3. Trách nhiệm của các Tổng cục, Cục chuyên ngành theo lĩnh vực được phân công:

a) Chủ trì đề xuất dự án đặt hàng; tham gia xây dựng kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên;

b) Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện quản lý nhiệm vụ, dự án theo lĩnh vực chuyên ngành;

c) Tham gia xây dựng kế hoạch; văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về khuyến nông; tham gia thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông.

4. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên; tổ chức thực hiện, điều chỉnh, nghiệm thu nhiệm vụ được phê duyệt theo quy định;

b) Phối hợp với Tổng cục, Cục chuyên ngành, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xây dựng danh mục dự án đặt hàng; tham gia thẩm định dự án được tuyển chọn, giao trực tiếp; kiểm tra, nghiệm thu dự án; trực tiếp triển khai các dự án được Bộ giao chủ trì; quản lý các dự án do tổ chức không trực thuộc Bộ chủ trì theo quy định;

c) Chủ trì hướng dẫn nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông trên cả nước;

d) Ký hợp đồng với các tổ chức chủ trì không trực thuộc Bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện dự án theo thuyết minh dự án đã được phê duyệt;

đ) Tham gia đề xuất cơ cấu phân bổ kinh phí khuyến nông hàng năm;

e) Tham gia xây dựng kế hoạch khuyến nông, các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông;

h) Tham gia tổng kết công tác khuyến nông; tổng hợp, báo cáo Bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án được giao chủ trì, quản lý.

# Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tham gia đề xuất, góp ý danh mục đặt hàng dự án khuyến nông Trung ương.

2. Xác nhận bằng văn bản đồng ý triển khai dự án tại địa phương; phối hợp với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án xây dựng dự án trình Bộ phê duyệt; kế hoạch triển khai dự án trên địa bàn.

3. Tham gia kiểm tra, nghiệm thu nhiệm vụ, dự án thực hiện tại địa phương.

4. Phối hợp với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án đánh giá kết quả mô hình và có kế hoạch nhân rộng ra sản xuất trên địa bàn.

# Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án

1. Tổ chức chủ trì dự án

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng dự án trình Bộ phê duyệt; xây dựng kế hoạch triển khai dự án và đánh giá kết quả mô hình trên địa bàn;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện; xem xét điều chỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát, nghiệm thu tại cơ sở; báo cáo dự án theo quy định; quản lý sử dụng kinh phí đúng quy định;

c) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện dự án.

2. Chủ nhiệm dự án

a) Chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung của dự án theo Thuyết minh đã được phê duyệt và văn bản điều chỉnh dự án của cấp có thẩm quyền theo quy định; sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật;

b) Tổng kết, báo cáo về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm, tình hình sử dụng kinh phí của dự án;

c) Chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ trì và Bộ trưởng về kết quả thực hiện dự án.

# Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2016.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 15/2013/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông.

3. Các nhiệm vụ, dự án khuyến nông đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực được thực hiện như sau:

a) Nhiệm vụ, dự án kết thúc trong năm 2015: áp dụng theo quy định tại Thông tư số 15/2013/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

b) Nhiệm vụ, dự án khuyến nông còn lại: các nội dung, hoạt động thực hiện từ năm 2016 áp dụng theo quy định tại Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| **­­*Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ;- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;- Công báo Chính phủ;- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ NN&PTNT;- Kiểm toán Nhà nước;- Ban Chỉ đạo Phòng chống tham nhũng TW;- Cơ quan TW của các Tổ chức Đoàn thể, Hội, Hiệp Hội liên quan;- Các đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT;- Lưu: VT, KHCN. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG*****(đã ký)*** **Lê Quốc Doanh** |